

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ – ST

Ngày 29 tháng 4 năm 2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Mạnh Hùng và ông Nguyễn Đình Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiếp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hà Thị H**, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: Khu Tr 2, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

2. Bị đơn: **Anh Hà Văn Kh**, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Nơi ĐKNKTT: Khu Tr 2, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Khoảng đầu năm 2015, chị và anh Kh về chung sống như vợ chồng với nhau tại nhà bố mẹ chị H ở khu Tr 2, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đến ngày 19/02/2016, chị và anh Hà Văn Kh được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và anh chị đến UBND xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ để đăng ký kết hôn.

Chị và anh Kh chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Kh lười lao động, thường hay tụ tập bạn bè, thường xuyên bỏ đi khỏi nhà không nói với chị. Đã nhiều lần chị nói anh và gia đình hai bên cũng bảo ban, khuyên giải nhưng anh không nghe. Nén năm 2018 anh Kh bỏ về nhà cô ruột, đồng thời là mẹ nuôi của anh ở xóm H, xã T, huyện T sinh sống đến nay không quan tâm đến chị và con.

Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị xin ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu Hà Quý Th, sinh ngày 25/11/2015, hiện đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không yêu cầu anh Kh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về phía bị đơn anh Hà Văn Kh: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Kh đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2020 đối với bà Hà Thị K là cô ruột, đồng thời là mẹ nuôi và hiện đang sống cùng với anh Kh, bà K cho biết:

Anh Kh, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, vợ chồng anh chị chung sống được khoảng 02 (hai) năm thì anh Kh về ở với gia đình bà. Nay chị H xin ly hôn, gia đình bà không có ý kiến gì. Các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản của vợ chồng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị H và anh Kh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Kh là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Hà Quý Th, sinh ngày 25/11/2015 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Kh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Hà Văn Kh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Kh, tuy nhiên anh Kh cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Kh vắng mặt lần thứ 02 (hai) không có lý do. Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Kh. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố

tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 19/02/2016, anh Kh và chị H đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tự nguyện tìm hiểu, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với bố mẹ chị H tại Khu Tr 2, xã Th. Hai bên chung sống hòa thuận được khoảng 02 (hai) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, anh Kh đã bỏ về nhà cô ruột, đồng thời là mẹ nuôi của anh Kh tại xóm H, xã T để sinh sống. Hai bên đã ly thân kể từ thời điểm đó đến nay. Bên cạnh đó, trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể nơi anh Kh, chị H cư trú cho biết: Trong cuộc sống vợ chồng giữa anh Kh, chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn và cùng thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Kh.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh Kh đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H; cho chị H được ly hôn anh Kh là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị có 01 (một) con chung là cháu Hà Quý Th, sinh ngày 25/11/2015. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi cháu Th và không yêu cầu anh Kh thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét thấy: Cháu Th ở cùng chị H từ khi sinh ra cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Kh cố ý vắng mặt tại Tòa án, nên chưa có quan điểm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thương. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể nơi anh Kh, chị H cư trú đều thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu Th cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H; giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Quý Th là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Kh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Khi chị H, anh Kh có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp

dưỡng nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:

Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Kh cố ý vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị H, anh Kh có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh Kh và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục kèm theo của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Hà Văn Kh.
2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Hà Quý Th, sinh ngày 25/11/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Kh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. *Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:*
Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2010/001289 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Hà Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Hà Văn Kh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện T;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

